

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày 16 - 11 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

***- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Ông Đỗ Anh C

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Mai

Ông Nguyễn Văn T

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Triệu Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

***- A diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:***  
Ông Nguyễn Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 07/9/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đình T**, sinh ngày 06/8/1963 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Phố Y, phường V, quận I, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Lê Thị P; có vợ là Nguyễn Ngân H (Đã chết) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 3 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt);

***- Người bị hại:*** Anh Trần Văn C, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Trung Thành, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Trần Văn B, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Trung T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt);

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Đỗ Đình A, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Yên Dương, xã R, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt);
- Anh Đỗ Văn U, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Yên Dương, xã R, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt);
- Anh Trần Văn G, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Nhật Chiêu 2, xã Liên Châu, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST, ngày 03/5/2019, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã xét xử và tuyên phạt bị cáo Trần Văn C, sinh năm 1977, trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc mức án 07 năm 06 tháng tù về tội Buôn bán hàng giả. Thấy mức án như trên là cao nên Trần Văn C đã kháng cáo theo trình tự phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, vào khoảng giữa tháng 6 năm 2019 thông qua mối quan hệ quen biết, Trần Văn C nhờ Trần Văn G ở xã Ê, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xin án treo để Trần Văn C không phải đi tù, G nhờ Đỗ Văn U và Đỗ Đình A (Tên thường gọi là Hiệp) ở xã R, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giúp Trần Văn C. Do Đỗ Văn A có mối quan hệ quen biết và đã từng nhờ Nguyễn Đình T xin khi vi phạm giao thông, nên A điện thoại cho T nói: Cháu có ông anh bị bắt vì buôn bán điện thoại, anh ấy muốn chạy án treo, chú xem có hướng nào giúp được không? T nói: Việc không phải của mày, mày không biết cụ thể, mày đưa nó xuống trực tiếp nói chuyện mới cụ thể được. Sau đó G, U hẹn gặp và đưa Trần Văn C cùng anh Trần Văn Ẫ (Anh trai C) đến nhà gặp A, thì A gọi điện thoại cho T nói: Chú có ở nhà không, cháu đưa người xuống? T trả lời: Có, xuống đi, thì A đưa Trần Văn C, anh Ẫ xuống quán cà phê “Tuần Thành” của T ở địa chỉ: Số 86, đường Ô, phường Ô, quận I, T phố Hà Nội để gặp T. Tại đây, T giới thiệu T làm ở Ủy Ban kiểm tra Trung ương, T yêu cầu mọi người tắt điện thoại để lên bàn, rồi Trần Văn C nhờ T giúp Trần Văn C được hưởng án treo, thì T nói với Trần Văn C: Việc của cháu chú biết rồi, chưa phải vào tù thì chú lo được, chơi thì chơi cho đẹp, không lo được thì chú trả lại tiền rồi T chỉ tay vào A nói tiếp: Mọi thông tin thì chú trao đổi với mấy anh em đây, bước đầu đưa cho chú 100.000.000đ, chú sẽ làm những điều tốt nhất cho cháu, Trần Văn C đặt 100.000.000đ lên bàn thì A cầm số tiền này đếm rồi cất vào tủ gỗ phía sau vị trí T ngồi, Trần Văn C có hỏi tên và xin số điện thoại của T nhưng T không nói mà chỉ tay về phía A bảo: Mọi trao đổi thông qua mấy thằng này rồi T nói giờ T bận phải đi tiếp khách và bảo Trần Văn C, A đi về cầm bản án xuống cho T. Khoảng 1 - 2 ngày sau thì A cùng Trần Văn C mang bản án xuống cho T.

Đến đầu tháng 7 năm 2019, T gọi điện cho A bảo chuẩn bị tiếp 200 - 300 triệu đồng để T lo chạy án cho Trần Văn C thì A nói lại với U bảo Trần Văn C chuẩn bị tiền, U gọi điện cho Trần Văn C, thì Trần Văn C nói chỉ lo được 100.000.000đ, sau đó U bảo Trần Văn C mang tiền xuống Vĩnh Yên đưa cho U, Trần Văn C hẹn U đến nhà nghỉ Zupi ở phường M, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để đưa tiền. Tại nhà nghỉ Zupi, Trần Văn C đưa cho U 100.000.000đ, sau đó, U ứng ra số tiền 100.000.000đ là tiền riêng của U gộp với 100.000.000đ mà Trần Văn C đưa tổng cộng 200.000.000đ đem đến gặp và bảo A là Trần Văn C đã đưa 200.000.000đ, A gọi điện thoại cho T nói: Trần Văn C lo được tiền rồi, cháu mang tiền xuống, T bảo: “Ừ” thì A và U xuống quán cà phê của T đưa cho T 200.000.000đ.

Khoảng giữa tháng 7 năm 2019, T gọi điện cho A nói chuẩn bị thêm 100.000.000đ nữa thì A nói lại với U, sau đó U gọi điện bảo Trần Văn C chuẩn bị 200.000.000đ, mục đích để U giữ lại 100.000.000đ mà trước đây U đã ứng ra. Khoảng 1 - 2 ngày sau Trần Văn C gọi điện cho U nói đã chuẩn bị 200.000.000đ và bảo U lên nhà nghỉ Zupi lấy tiền, tại nhà nghỉ Zupi, Trần Văn C đưa cho U 200.000.000đ. Ngày hôm sau, U giữ lại 100.000.000đ là tiền U đã ứng ra đưa cho T lần trước còn mang theo 100.000.000đ cùng A đến khu vực Chùa Hà T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đưa cho T. Khoảng 01 tuần sau, A, Trần Văn C và anh Ấ xuống Hà Nội gặp T để hỏi việc chạy án của Trần Văn C thế nào và chạy án treo xong hết bao nhiêu tiền thì T nói vẫn đang lo và chạy án xong hết khoảng 500.000.000đ, T đã nhận 400.000.000đ. Mấy ngày sau, Trần Văn C hẹn U đến nhà nghỉ Zupi và đưa cho U số tiền 100.000.000đ, U cầm về đưa cho A, theo A khai: A điện thoại cho T biết anh C đã đưa 100.000.000đ thì T bảo A cứ cầm lấy để xét xử xong thì tính sau nên A bảo U giữ lại số tiền này.

Ngày 26/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm tuyên phạt Trần Văn C 05 năm 06 tháng tù giam. Do Trần Văn C không được án treo mà chỉ được giảm 02 năm tù nên khoảng 10 ngày sau A, Trần Văn C, anh Ấ và anh Nguyễn H1 C, ở xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xuống Hà Nội gặp T để đòi lại tiền thì T nói với Trần Văn C: Tao cầm 400.000.000đ còn 100.000.000đ thằng A chưa chuyển thì bảo nó trả, để mày được giảm 02 năm tù thì tao đi quà cáp hết rồi thì A, Trần Văn C, anh Ấ đi về. Sau đó Trần Văn C đòi tiền thì U trả Trần Văn C số tiền 100.000.000đ và Trần Văn C nhiều lần đòi T trả lại tiền nhưng T không trả nên ngày 17/02/2020, Trần Văn C làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình điều tra Nguyễn Đình T khai nhận: Do quen biết từ trước với ông Trần Minh U - Phó Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên khi Trần Văn C mang bản án xuống thì T gọi điện cho ông U nói có người nhờ xin được giảm án thì ông U bảo T mang bản án lên gặp; ngày hôm sau, T cầm bản án của Trần

Văn C đến phòng làm việc gặp ông U thì ông U nói với T: Cái việc này sang gặp anh O - Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đồng thời cho T số điện thoại của ông O, sau đó T gọi điện rồi sang phòng làm việc gặp ông O và đặt vấn đề xin án treo cho Trần Văn C thì ông O nói việc này khó và bảo T xuống gặp ông H1 - Thẩm phán đang thụ lý hồ sơ vụ án. Khi gặp ông H1, T đặt vấn đề xin án treo cho Trần Văn C thì ông H1 trả lời: Không xin được án treo mà chỉ giảm được 02 năm tù, sau đó T đi về. Khoảng giữa tháng 7/2019 T gọi điện cho ông O hỏi công việc của Trần Văn C thế nào thì ông O bảo T đến gặp ông H2 - Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem ý kiến ông H2 như thế nào. Sau đó, T đến phòng làm việc gặp ông Lê Tất H2 và đặt vấn đề với ông H2 xin án treo cho Trần Văn C, nhưng ông H2 không đồng ý nên T ra về.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành làm việc với các ông Trần Minh U - Phó Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc; ông Nguyễn Văn O - Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, ông Phạm Quang H1 - Thẩm phán, ông Lê Tất H2 - Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Kết quả làm việc: Ông U xác định có mối quan hệ quen biết với T, khi T đến phòng làm việc ông U đã đưa T đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc gặp và giới thiệu T với ông O, sau đó ông U về trước. Ông O, ông H1 đều xác định có việc T đến gặp xin án treo cho Trần Văn C nhưng ông O, ông H1 không đồng ý; ông H2 cho biết hàng ngày do tính chất công việc có nhiều người dân điện thoại hoặc đến xin gặp trực tiếp để trình bày, phản ánh nội dung vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ giải quyết của Viện kiểm sát hai cấp, nên không khẳng định T có đến phòng làm việc của ông hay không, nhưng ông H2 nhớ chính xác trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm không có ai đến đặt vấn đề xin án treo hay giảm án cho C trong vụ án buôn bán hàng giả, việc ông duyệt án để xét xử phúc thẩm chỉ căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của Trần Văn C do Kiểm sát viên trực tiếp thụ lý và lãnh đạo phòng xét xử phúc thẩm báo cáo và đề xuất mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của Trần Văn C, chứ không có việc T đến gặp hoặc hứa hẹn gì với T liên quan đến việc giảm án cho Trần Văn C.

Tại Cơ quan điều tra, T không thừa nhận việc T giới thiệu với anh C, A là T làm ở Ủy Ban Kiểm tra Trung ương nhưng căn cứ vào lời khai của Trần Văn C, A, anh A đã đủ căn cứ xác định T có nói nội dung này với mục đích để làm cho Trần Văn C, A tin tưởng (Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành đối chất giữa Trần Văn C, A với T).

Căn cứ kết quả điều tra xác định: G là người giới thiệu Trần Văn C với U, A. U là người trực tiếp liên hệ, nhận số tiền 400.000.000đ từ Trần Văn C và đưa cho A số tiền 300.000.000đ còn 100.000.000đ thì U đã trả lại cho Trần Văn C trước khi anh C có đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra. A là người giới thiệu Trần

Văn C với T và trực tiếp nhận số tiền 400.000.000đ từ U để đưa cho T. Bản thân Trần Văn C, A, U đều tin tưởng T làm ở Ban Kiểm tra Trung ương là thật, tin tưởng T giúp Trần Văn C được hưởng án treo nên đã nhờ T chạy án cho Trần Văn C, không biết mục đích chiếm đoạt của T và không được hưởng lợi tiền hoặc lợi ích vật chất gì. Do vậy, không có căn cứ xác định các anh Đỗ Đình A, Đỗ Văn U và Trần Văn G đồng phạm với T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc không đề cập xử lý.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc tạm giữ của Nguyễn Đình T: Số tiền 400.000.000đ mà T đã chiếm đoạt của Trần Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen bên trong lắp 02 thẻ sim điện thoại. Tạm giữ của Trần Văn C: 01 bản phô tô bản án số 31/2019/HSST ngày 03/5/2019; 01 bản phô tô Quyết định thi hành án hình phạt tù số 93/2019/QĐ-CA ngày 29/8/2019 đều của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 bản phô tô bản án số 51/2019/HS-PT ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; 01 USB màu xanh trắng loại 4Gb nhãn hiệu Kington.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS-P1 ngày 05/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Nguyễn Đình T tù 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 12/3/2020.

Không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen bên trong lắp 02 thẻ sim điện thoại do không liên quan đến việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bản phô tô bản án số 31/2019/HSST ngày 03/5/2019; 01 bản phô tô Quyết định thi hành án hình phạt tù số 93/2019/QĐ-CA ngày 29/8/2019 đều của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 bản phô tô bản án số 51/2019/HS-PT ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; 01 USB màu xanh trắng loại 4Gb nhãn hiệu Kington.

Bị cáo nói lời sau cùng, do điều kiện hoàn cảnh đã vi phạm pháp luật nên rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình T đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử một lần nữa có đủ cơ sở kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Do quen biết từ trước với một số đồng chí lãnh đạo trong ngành tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc nên khi Trần Văn C đặt vấn đề về việc nhờ xin án treo T đã đồng ý và tự giới thiệu làm việc ở Ủy Ban kiểm tra Trung ương, có thể chạy giúp Trần Văn C được hưởng án treo và nói chơi thì chơi cho đẹp, không lo được thì chú trả lại tiền. T nói để xin án treo thì phải mất khoản 500.000.000đ, tổng số 03 lần Trần Văn C đã nhờ A chuyển cho T 400.000.000đ. Ngày 26/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm tuyên phạt Trần Văn C 05 năm 06 tháng tù giam. Do Trần Văn C không được án treo mà chỉ được giảm 02 năm tù nên khoảng 10 ngày sau Đỗ Đình A, Trần Văn C xuống Hà Nội nhiều lần gặp T để đòi lại tiền nhưng T không trả.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Đình T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

*“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm*

*a, Chiếm đoạt tài sản trị giá 200.000.000đ đến dưới 500.000.000đ”*

[4] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có hiểu biết xã hội, nhận thức rõ việc không có chức năng nhiệm vụ nhưng đã lợi dụng việc quen biết một số đồng chí làm trong ngành tư pháp để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt có tác dụng giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội trong điều kiện gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế (Vợ bị ung thư đang cần tiền để điều trị). Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng khoản 1 Điều 54 cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo có điều kiện cải tạo sớm trở T công dân có ích cho xã hội.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đã nhiều tuổi, thu nhập không ổn định, do vậy Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với Trần Văn G là người giới thiệu Trần Văn C với Đỗ Đức U, Đỗ Đình A là những người trực tiếp liên hệ, nhận số tiền từ Trần Văn C để đưa cho T. Bản thân A, U đều tin tưởng T làm ở Ban Kiểm tra Trung ương là thật, tin tưởng T giúp Trần Văn C được hưởng án treo, không biết mục đích chiếm đoạt của T và không được hưởng lợi tiền hoặc lợi ích vật chất gì. Do vậy, không có căn cứ xác định Đỗ Đình A, Đỗ Văn U và Trần Văn G đồng phạm với T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen bên trong lắp 02 thẻ sim điện thoại không dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bản phô tô bản án số 31/2019/HSST ngày 03/5/2019; 01 bản phô tô Quyết định thi hành án hình phạt tù số 93/2019/QĐ-CA ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 bản phô tô bản án số 51/2019/HS-PT ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; 01 USB màu xanh trắng loại 4Gb nhãn hiệu Kingston.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 12/3/2020.

Áp dụng Điều 46; 47; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen bên trong lắp 02 thẻ sim điện thoại không dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bản phô tô bản án số 31/2019/HSST ngày 03/5/2019; 01 bản phô tô Quyết định thi hành án hình phạt tù số 93/2019/QĐ-CA ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 bản phô tô bản án số 51/2019/HS-PT ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; 01 USB màu xanh trắng loại 4Gb nhãn hiệu Kingston.

(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/8/2020).

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Đình T, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;

#### **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**



- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, Tòa Hình sự, phòng HC-TP;

***(Đã ký)***

**Đỗ Anh C**